

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Đặng Thiên Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hồng Á, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện chị Á đang lao động ở nước ngoài).

**Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng:** Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang (văn bản ủy quyền ngày 06/8/2024, không triệu tập).

**2. Bị đơn:** Anh Tống Quang H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú và địa chỉ cuối cùng của anh H tại Việt Nam: Thôn M, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Hiện anh H đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1968 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Á trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng khiến vợ chồng chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng chị sống ly thân, chị về nhà bố, mẹ đẻ tại thôn C, xã P (nay là xã L) sinh sống đến tháng 9 năm 2018 chị đi lao động tại Nhật Bản. Trong thời gian lao động ở nước ngoài chị và anh H vẫn liên lạc với nhau nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả, từ năm 2021 anh H không còn liên lạc với chị nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tống Quang H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Tống Ân N, sinh ngày 27/6/2014, hiện cháu N đang sống cùng với bố, mẹ chị là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 tại thôn C, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và đề nghị tạm giao cháu N cho ông T, bà H1 nuôi dưỡng trong thời gian chị ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Á trình bày: Chị đề nghị vắng mặt trong các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nói trên. Chị ủy quyền cho ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

*Anh Tống Quang H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Ông, bà là bố mẹ của chị Trần Thị Hồng Á, ông bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tống Ân N là con của chị Á và anh H. Nay ông, bà đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N trong thời gian chị Á ở nước ngoài cho đến khi chị Á về nước, ông bà không có yêu cầu gì khác.

*Tòa án đã tiến hành xác minh với người thân của anh Tống Quang H là bà Lê Thị C, sinh năm 1957, địa chỉ: thôn M, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang, bà C cung cấp:*

Anh H là con trai bà hiện đang lao động tại Đài Loan từ năm 2019, kể từ khi sang Đài Loan anh H vẫn liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội nhưng do hiện nay anh H không làm theo hợp đồng lao động ban đầu mà chuyển ra ngoài làm

bất hợp pháp nên gia đình bà C từ chối cung cấp địa chỉ của anh H theo yêu cầu của Tòa án, anh H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án được. Chị Á và anh H kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị Á và anh H chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 chị Á đi lao động tại Nhật Bản, năm 2019 anh H đi lao động tại Đài Loan. Trong quá trình chị Á, anh H ở nước ngoài, vợ chồng có mâu thuẫn gì không thì bà không nắm được nhưng đến năm 2022 thì chị Á và anh H không liên lạc với nhau nữa.

*Cháu Tống Ân N trình bày:* Cháu là con bố Tống Quang H và mẹ Trần Thị Hồng Á, hiện cháu sống cùng ông, bà ngoại là ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1. Nay bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ Á và ông, bà ngoại là ông T, bà H1.

*Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị Trần Thị Hồng Á, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tống Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Trần Thị Hồng Á, biên bản lấy lời khai ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1, cháu Tống Ân N, biên bản làm việc với bà Lê Thị C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Á, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Tống Quang H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Á, ông T, bà H1, bị đơn anh H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Á

Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hồng Á được ly hôn anh Tống Quang H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Tống Ân N, sinh ngày 27/6/2014 cho chị Trần Thị Hồng Á nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu N cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng trong thời gian chị Á ở nước ngoài.

Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Á phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Á đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Hồng Á khởi kiện xin ly hôn anh Tống Quang H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Chị Á, anh H hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể của anh H. Theo Công văn số: 24456/QLXNC-P3 ngày 17/10/2024 của Cục Q - Bộ C1 cung cấp, anh H xuất cảnh ngày 12/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Á nhiều lần xuất nhập cảnh, lần nhập cảnh gần nhất là ngày 02/8/2024 và xuất cảnh ngày 05/9/2024. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có nguyên đơn chị Á, bị đơn anh H hiện nay đang ở nước ngoài. Địa chỉ cuối cùng của anh H ở Việt Nam tại: Thôn H, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Á và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Hồng Á, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1.

Đối với bị đơn anh Tống Quang H: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn chị Á, bà C (là mẹ anh H), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh H trước khi xuất cảnh ở Thôn H, xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh H thông qua người thân của anh H là bà Lê Thị C (mẹ anh H) và đề nghị bà C thông báo cho anh H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng Á và bị đơn là anh Tống Quang H. Bà C cho biết sau khi anh H đi nước ngoài thì anh H vẫn liên lạc về gia đình, nhưng đến nay anh H ra ngoài làm bất hợp pháp không theo hợp đồng lao động nữa nên gia đình không có địa chỉ của anh H để cung cấp cho Tòa án và anh H không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn anh H theo Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.



[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Á và anh Tống Quang H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị Á, anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Á xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn Tống Quang H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng Á đối với anh Tống Quang H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Á và anh H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, tháng 9 năm 2018 chị Á đi lao động tại Nhật Bản, năm 2019 anh H đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau cho đến năm 2021 anh H và chị Á không còn liên lạc với nhau nữa. Do hiện nay cả hai đều lao động nước ngoài và mỗi người ở một nước khác nhau nên vợ chồng không quan tâm, liên lạc với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị Á, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Á đối với anh H, xử cho chị Trần Thị Hồng Á được ly hôn anh Tống Quang H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Á và anh H có 01 con chung là cháu Tống Ân N, sinh ngày 27/6/2014. Sau khi ly hôn chị Á có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N và đề nghị tạm giao cháu N cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng trong thời gian chị Á ở nước ngoài. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 (bố, mẹ chị Á) trình bày đồng ý nuôi dưỡng cháu N trong thời gian chị Á ở nước ngoài, cháu N có nguyện vọng ở cùng chị Á.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Á, Hội đồng xét xử thấy: Hiện cháu N đang sống cùng với ông T, bà H1, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh H và chị Á hiện đang lao động ở nước ngoài. Cháu N có nguyện vọng được sống cùng với chị Á và ông T, bà H1. Ông T, bà H1 đồng ý nuôi dưỡng cháu N trong thời gian chị Á lao động ở nước ngoài. Để đảm bảo cho con chung phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống, môi trường học tập của con chung. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Á. Giao cháu Tống Ân N cho chị Trần Thị Hồng Á nuôi dưỡng sau khi ly hôn đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Tống Ân N cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng trong thời gian chị Á ở nước ngoài là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của cháu N cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu

thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Á phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Á, bị đơn anh Tống Quang H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Á.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng Á được ly hôn anh Tống Quang H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Tống Ân N, sinh ngày 27/6/2014 cho chị Trần Thị Hồng Á nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, nhưng tạm giao cháu Tống Ân N cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng trong thời gian chị Á ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn anh Tống Quang H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

**3. Về án phí:** Chị Trần Thị Hồng Á phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000092 ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị Hồng Á đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo bản án:**

Chị Trần Thị Hồng Á, anh Tống Quang H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã P (nay là xã L), huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







